

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2018/HNGĐ- ST

Ngày: 13 - 4 - 2018

V/v: Tranh chấp Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Văn Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Nhật.

Bà Nguyễn Thị Chiêu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Cụm 10, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1986;

Nơi sinh: Đội 7, thôn S, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú cuối cùng: Cụm 10, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn B trình bày: Anh và chị Trần Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, vào ngày 08/9/2004.

Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn, do chị H không chăm lo cho gia đình và có quan hệ không trong sáng ở bên ngoài. Tháng 6/2013, chị H bỏ nhà đi. Sau khi chị H bỏ đi một thời gian anh đã về quê của chị H tại thôn S, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam để tìm nhưng gia đình chị H cho biết chị H không về quê và mọi người cũng không biết chị H đi đâu. Suốt thời gian chị H

bỏ đi, anh không liên lạc được với chị H và chị H cũng không liên lạc về nhà thăm hỏi anh và các con. Vì vậy, tháng 11/2016 anh đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ tuyên bố chị H bị mất tích. Ngày 10/8/2017, Tòa án đã ra quyết định tuyên bố chị H mất tích. Nay, anh xin được giải quyết ly hôn với chị H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau, anh và chị H có ba con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 04/10/2005; cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 01/6/2007 và cháu Nguyễn Thị Ph, sinh ngày 08/10/2008. Từ khi chị H bỏ đi không có tin tức gì cho đến nay, cả ba cháu đều sinh sống cùng với anh và do anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án chấp nhận cho anh được quyền tiếp tục nuôi cả ba con cho đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung: Anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh Nguyễn Văn B giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự pháp luật. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn B, xử cho anh B được ly hôn chị H. Về quyền nuôi con chung, giao cả ba cháu Nguyễn Thị Hồng H, Nguyễn Văn P và Nguyễn Thị Ph cho anh B nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Không phải giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn B xin ly hôn với chị Trần Thị H và đề nghị giải quyết về quyền nuôi con chung. Theo yêu cầu của anh Nguyễn Văn B, tháng 8/2017 Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội đã ra quyết định tuyên bố chị Trần Thị H mất tích và quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Chị Trần Thị H là bị đơn có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại huyện Đ, Thành phố Hà Nội, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn B và xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con khi ly hôn” là phù hợp với quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn B, Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh Nguyễn Văn B và chị Trần Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, vì vậy quan hệ hôn nhân của anh B, chị H là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh B, chị H có thời gian hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn và chị H đã bỏ nhà đi từ năm 2013 không có tin tức gì. Năm 2016, anh B có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị H bị mất tích. Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội đã áp dụng biện pháp thu thập chứng cứ, xác minh tại chính quyền địa phương nơi bố mẹ đẻ chị H sinh sống và chính quyền xã L, huyện Đ là nơi cư trú cuối cùng của chị H. Tòa án cũng đã tiến hành các thủ tục tìm kiếm chị H trên các phương

tiện thông tin đại chúng nhưng không có thông tin gì về chị H. Do đó, ngày 10/8/2017 Tòa án nhân dân huyện Đ đã ra Quyết định tuyên bố mất tích đối với chị Trần Thị H, quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

Nay, anh Nguyễn Văn B có yêu cầu xin ly hôn với chị Trần Thị H là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh B và xử cho anh B được ly hôn với chị H.

[3] Về quyền nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn B và chị Trần Thị H có ba con chung là các cháu Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 04/10/2005, cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 01/6/2007 và cháu Nguyễn Thị Ph, sinh ngày 08/10/2008. Từ năm 2013, khi chị H bỏ nhà đi cho đến nay các cháu đều ở cùng với anh B. Do đó, khi ly hôn anh B có nguyện vọng được tiếp tục nuôi các con là hợp lý. Mặt khác, các cháu H, P và Ph đều có đơn đề nghị Tòa án cho các cháu được tiếp tục sống cùng với anh B. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận và giao cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng cả ba cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị Trần Thị H mất tích, bản thân anh Nguyễn Văn B cũng không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Việc cấp dưỡng nuôi con sẽ được xem xét trong trường hợp nếu chị Trần Thị H trở về và các đương sự có yêu cầu, đề nghị giải quyết về con chung, cấp dưỡng nuôi con thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác theo qui định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn B không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn B đối với chị Trần Thị H.

1. Cho anh Nguyễn Văn B được ly hôn chị Trần Thị H.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 04/10/2005, cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 01/6/2007 và cháu Nguyễn Thị Ph, sinh ngày 08/10/2008 cho anh Nguyễn Văn B nuôi cho đến khi các cháu H, P và Ph đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Trong trường hợp nếu chị Trần Thị H trở về và các đương sự có yêu cầu, đề nghị giải quyết về con chung, cấp dưỡng nuôi con thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác theo qui định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh B đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005854 ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Chị Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- UBND xã L, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Văn Tuyển

